

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh tự làm bài cá nhân. - GV nhận xét chữa bài - Hai tiếng đó giống và khác nhau ntn? <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>Bài 3: HD cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài tập, thảo luận theo câu hỏi: + Nêu quy tắc ghi dấu thanh trong tiếng ? + Nêu quy tắc ghi dấu thanh ở tiếng “chiến” và “nghĩa” 	<ul style="list-style-type: none"> - LỚP làm vở, báo cáo kết quả - HS nghe - Giống: 2 tiếng đều có âm chính có 2 chữ cái (đó là nguyên âm đôi) - Khác: <ul style="list-style-type: none"> + tiếng nghĩa: không có âm cuối. + tiếng chiến: có âm cuối. - Học sinh làm bài cặp đôi, thảo luận làm bài, trả lời câu hỏi: - Dấu thanh được đặt trong âm chính. - Dấu thanh đặt ở âm chính, tiếng “chiến” có âm cuối nên dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 nguyên âm đôi. “nghĩa” không có âm cuối dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 1 của nguyên âm đôi.
<p>6. HD ứng dụng: (3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu quy tắc đánh dấu thanh các tiếng của cá từ sau: <i>khoáng sản, thường luồng, luồng cuống</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
<p>7. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm một số quy tắc chính tả khác . 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

Toán
LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.
2. **Kĩ năng:** Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS làm bài 1, bài 3, bài 4
3. **Thái độ:** Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.
4. **Năng lực:**

.....

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ...
- HS : SGK, bảng con...

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, thực hành...
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi: + Tiết học trước ta học giải dạng toán nào ? + Khi giải bài toán có liên quan đến tỉ lệ cùng tăng hoặc cùng giảm ta có mấy cách giải ? Đó là những cách nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút)	
<p>*Mục tiêu: Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
Bài 1: HĐ nhóm	
<ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ cho HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi và tìm cách giải, chẳng hạn như: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Biết giá tiền 1 quyển vở là không đổi, nếu gấp số tiền mua vở lên 1 số lần thì số vở mua được sẽ như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thực hiện. <p><i>Mua 12 quyển vở: 24.000 đồng</i> <i>Mua 30 quyển vở... đồng?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi số tiền gấp lên bao nhiêu lần thì số vở mua được gấp lên bấy nhiêu lần
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. <p style="text-align: center;">Giải.</p> <p>1 quyển vở có giá tiền là: $24\ 000 : 12 = 2\ 000$ (đồng).</p> <p>30 quyển vở mua hết số tiền là:</p>

<p>- Trong 2 bước tính của bài giải, bước nào gọi là bước rút về đơn vị?</p> <p>Bài 3: HD cá nhân</p> <p>- Giao nhiệm vụ cho HS vận dụng cách làm của bài tập 1 để áp dụng làm bài tập 2.</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p> <p>Bài 4: HD cặp đôi</p> <p>- Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài</p> <p>- Giáo viên nhận xét</p> <p>- Nêu mối quan hệ giữa số ngày làm và số tiền công nhận được. Biết rằng mức trả công một ngày không đổi?</p>	<p>$2\ 000 \times 30 = 60\ 000$ (đồng). Đáp số: 60 000 đồng</p> <p>- Bước tính giá tiền một quyển vở.</p> <p>- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả</p> <p>Giải: Mỗi ô tô chở được số học sinh là: $120 : 3 = 40$ (học sinh) 160 học sinh cần số ô tô là: $160 : 40 = 4$ (ô tô) Đáp số: 4 ô tô.</p> <p>- HS làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo lẫn nhau, báo cáo giáo viên</p> <p>Giải. Số tiền công được trả cho một ngày làm là: $72\ 000 : 2 = 36\ 000$ (đồng) Số tiền công trả cho 5 ngày làm là: $36\ 000 \times 5 = 180\ 000$ (đồng) Đáp số 180 000 đồng</p> <p>- Nếu mức trả công 1 ngày không đổi thì khi gấp (giảm) số ngày làm việc bao nhiêu lần thì số tiền nhận được cũng gấp (giảm) bấy nhiêu lần</p>
<p>3. HD ứng dụng: (3 phút)</p>	
<p>- Cho HS giải bài toán theo tóm tắt sau: <i>Dự định làm 8 ngày : 9 người.</i> <i>Thực tế giảm 2 ngày :người ?</i></p>	<p>- HS giải</p> <p>Bài giải Công việc phải làm trong số ngày là: $8 - 2 = 6$ (ngày) 8 ngày gấp 6 ngày số lần là: $8 : 6 = 4/3$ (lần) Muốn làm công việc đó trong 6 ngày cần số người là: $9 \times 4/3 = 12$ (người) Đáp số: 12 người.</p>
<p>4. HD sáng tạo: (2 phút)</p>	

- Cho HS về nhà làm bài theo tóm tắt sau: <i>Mua 3kg gạo tẻ, giá 8000 đồng/ 1kg 1kg gạo tẻ rẻ hơn gạo nếp 4000đồng. Số tiền mua gạo tẻ mua kg gạo nếp ?</i>	- HS nghe và thực hiện.
---	-------------------------

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

Luyện từ và câu
TỪ TRÁI NGHĨA

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa khi đặt cạnh nhau
- Kĩ năng:** Nhận biết được từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ (BT1); biết tìm từ trái nghĩa với những từ cho trước (BT2, BT3). HS(M3,4) đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT3 .
- Thái độ:** Bồi dưỡng từ trái nghĩa.
- Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**
- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bảng lớp viết nội dung bài tập 1, 2, 3 phần luyện tập, Từ điển tiếng Việt.
- HS : SGK

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn đoạn văn miêu tả có dùng từ đồng nghĩa. - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc, nêu các từ đồng nghĩa đã sử dụng trong đoạn văn đó. - Lớp nhận xét đoạn văn bạn viết, nhận xét các từ đồng nghĩa bạn đã dùng đúng đúng chưa. - HS nhận xét, bình chọn bạn viết hay nhất. - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút) *Mục tiêu: Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa	

khi đặt cạnh nhau

***Cách tiến hành:**

Bài 1: HD cặp đôi

- Cho HS đọc yêu cầu
- Nêu các từ in đậm ?
- Yêu cầu học sinh trao đổi theo cặp so sánh nghĩa của 2 từ *phi nghĩa, chính nghĩa*.
- Em hiểu *chính nghĩa* là gì?

- *Phi nghĩa* là gì?
- Em có nhận xét gì về nghĩa của 2 từ chính nghĩa và phi nghĩa?
- Giáo viên kết luận: hai từ “*chính nghĩa*” và “*phi nghĩa*” có nghĩa trái ngược nhau gọi là từ trái nghĩa.
- Qua bài tập em biết: Thế nào là từ trái nghĩa?

Bài 2, 3: HD cặp đôi

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Thảo luận nhóm đôi để tìm các từ trái nghĩa?
- Tìm các cặp từ trái nghĩa trong câu?
- Tại sao em cho đó là các cặp từ trái nghĩa?

- Từ trái nghĩa trong câu có tác dụng gì?

- Dùng từ trái nghĩa có tác dụng gì?

- *Kết luận*: Ghi nhớ SGK

- Học sinh đọc yêu cầu của bài.
- *Phi nghĩa, chính nghĩa*
- Học sinh thảo luận tìm nghĩa của từ *phi nghĩa, chính nghĩa*
- Là đúng với đạo lý, điều chính đáng cao cả.
- Phi nghĩa trái với đạo lý
- Hai từ đó có nghĩa trái ngược nhau
- Từ trái nghĩa là từ có nghĩa trái ngược nhau

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập.
- Học sinh thảo luận nhóm, báo cáo kết quả:
- Chết / sống; vinh/ nhục
- + *vinh*: được kính trọng, đánh giá cao;
- + *nhục*: bị khinh bỉ
- Làm nổi bật quan niệm sống của người Việt Nam ta. Thà chết mà được tiếng thơm còn hơn sống mà bị người đời khinh bỉ.
- Dùng từ trái nghĩa có tác dụng làm nổi bật sự vật, sự việc, hoạt động trạng thái đối lập nhau.
- 3 học sinh nối tiếp ghi nhớ

3. HD Thực hành: (15 phút)

*** Mục tiêu:**

- Nhận biết được từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ (BT1); biết tìm từ trái nghĩa với những từ cho trước (BT2, BT3).
- HS(M3,4) đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT3 .

*** Cách tiến hành:**

<p>Bài 1: HĐ cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu học sinh tự làm bài: giáo viên gợi ý chỉ gạch dưới những từ trái nghĩa. - Giáo viên nhận xét. <p>Bài 2: HĐ cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên yêu cầu học sinh tự làm bài - Giáo viên nhận xét <p>Bài 3: HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm làm bài - Chia 4 nhóm: yêu cầu học sinh thảo luận từ trái nghĩa với các từ “hoà bình, thương yêu, đoàn kết, giữ gìn” - Giáo viên nhận xét <p>Bài 4: HĐ cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Học sinh tự làm bài - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu. - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả: <ul style="list-style-type: none"> - <i>đục/ trong; đen/ sáng; rách/ lành; dở/ hay</i> - Lớp nhận xét. - Học sinh đọc yêu cầu. - Lớp làm vở cá nhân, báo cáo kết quả. - HS nhận xét - Nhóm trưởng điều khiển - Học sinh trong nhóm thảo luận, tìm từ trái nghĩa. - Đại diện nhóm trình bày, lớp nhận xét - Hoà bình > < chiến tranh/ xung đột - Thương yêu > < căm giận/ căm ghét/ căm thù - Đoàn kết > < chia sẻ/ bè phái - Giữ gìn > < phá hoại/ tàn phá - Học sinh đọc yêu cầu - HS đặt câu - 8 học sinh đọc nối tiếp câu mình đặt
<p>4. Hoạt động ứng dụng :(2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau: <i>Nơi hằm tối lại là nơi sáng nhất</i> <i>Nơi con tìm sức mạnh Việt Nam.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 - 7 câu kể về gia đình em trong đó có sử dụng các cặp từ trái nghĩa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

.....

Địa lý **SÔNG NGÒI**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: - Nêu được một số đặc điểm chính và vai trò của sông ngòi VN: mạng lưới sông ngòi dày đặc; sông ngòi có lượng nước thay đổi theo mùa (mùa mưa thường có lũ lớn) và có nhiều phù sa; sông ngòi có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống: bồi đắp phù sa, cung cấp nước, tôm cá, nguồn thủy điện.

- Xác lập được mối quan hệ địa lí đơn giản giữa khí hậu và sông ngòi: nước sông lên, xuống theo mùa; mùa mưa thường có lũ lớn; mùa khô nước sông hạ thấp.

2. Kỹ năng: Chỉ được vị trí một số con sông: Hồng, Thái Bình, Tiền, Hậu, Đồng Nai, Mã, Cả trên bản đồ (lược đồ).

* GD sử dụng NLTK&HQ :

- Sông ngòi nước ta là nguồn thủy điện lớn và giới thiệu công suất sản xuất điện của một số nhà máy thủy điện ở nước ta : nhà máy thủy điện Hoà Bình, Y- a- li, Trị An.

- HS (M3,4):

+ Giải thích được vì sao sông ở miền Trung ngắn và dốc .

+ Biết những ảnh hưởng do nước sông lên, xuống theo mùa ảnh hưởng tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta .

- Sử dụng điện và nước tiết kiệm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

3.Thái độ: Bồi dưỡng kiến thức về sông ngòi.

4. Năng lực:

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bản đồ địa lý Việt Nam, tranh ảnh về sông mùa lũ và mùa cạn.

- HS: SGK, vở

2. Phương pháp kĩ thuật dạy học

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày 1 phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi: + Nước ta thuộc đới khí hậu nào ? + Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta?	- HS chơi trò chơi

<p>+ Khí hậu MB và MN khác nhau như thế nào?</p> <p>- Giáo viên nhận xét</p> <p>- Giới thiệu bài - Ghi bảng</p>	<p>- HS nghe</p> <p>- HS ghi bảng</p>
<p>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút)</p> <p>* Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài và trả lời được câu hỏi trong SGK.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>*Hoạt động 1: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc.</p> <p>- Giáo viên treo lược đồ sông ngòi Việt Nam, giao nhiệm vụ cho HS quan sát, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Đây là lược đồ gì ? Lược đồ này dùng để làm gì ?</p> <p>+ Nước ta có nhiều hay ít sông? Phân bố ở đâu? Em có nhận xét gì về hệ thống sông ngòi ở Việt Nam?</p> <p>- Kết luận: nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, phân bố ở khắp đất nước.</p> <p>+ Kể tên và chỉ tên trên lược đồ vị trí của các con sông?</p> <p>- Giáo viên lưu ý học sinh dùng que chỉ các con sông theo dòng chảy từ nguồn tới biển (không chỉ vào 1 điểm)</p> <p>+ Sông ngòi miền Trung có đặc điểm gì?</p> <p>+ Vì sao sông ngòi miền Trung lại có đặc điểm đó?</p> <p>- Địa phương em có dòng sông nào?</p> <p>- Em có nhận xét gì về sông ngòi Việt Nam?</p> <p>- Giáo viên tóm tắt nội dung, kết luận</p>	<p>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm quan sát, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trước lớp.</p> <p>+ Lược đồ sông ngòi Việt Nam dùng để nhận xét về sông ngòi của nước ta</p> <p>+ Nước ta có nhiều sông, phân bố ở khắp đất nước.</p> <p>- Các sông lớn:</p> <p>+Miền Bắc: sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình.</p> <p>+Miền Nam: sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai.</p> <p>+Miền Trung: sông Mã, sông Cả, sông Đà Rằng</p> <p>- Ngắn, dốc do miền Trung hẹp ngang, địa hình có độ dốc lớn.</p> <p>- Sông Hồng, ...</p> <p>- Dày đặc, phân bố khắp đất nước</p>
<p>*Hoạt động 2: Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa, sông có nhiều phù sa</p> <p>- Chia HS thành 4 nhóm: yêu cầu thảo luận nhóm hoàn thành bảng thống kê</p> <p>- Giáo viên sửa chữa, hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh.</p> <p>- Lượng nước trên sông phụ thuộc vào yếu tố nào của khí hậu?</p> <p>- Mực nước của sông vào mùa lũ, khô có khác nhau không? Tại sao?</p>	<p>- Các nhóm thảo luận, hoàn thành bảng:</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.</p> <p>- Phụ thuộc vào lượng mưa.</p> <p>- Mùa mưa: mưa nhiều, mưa to, nước sông dâng cao.</p> <p>- Mùa khô: ít mưa, nước sông hạ thấp, trơ lòng.</p> <p>Mùa mưa nước sông có màu đỏ đỏ là phù sa.</p>
<p>* Hoạt động 3: Vai trò của sông ngòi.</p> <p>- Giáo viên tổ chức cho học sinh thi tiếp sức</p>	<p>- HS chơi trò chơi tiếp sức</p>

kể về vai trò của sông ngòi? - GV theo dõi, sửa sai .	1. Bồi đắp nên nhiều đồng bằng. 2. Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất. 3. Là nguồn thủy điện 4. Là đường giao thông. 5. Là nơi cung cấp thủy sản: tôm, cá 6. Là nơi phát triển nuôi trồng thủy sản
4. HĐ ứng dụng: (5 phút)	
- Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ do sông nào bồi đắp? - Kể tên một số nhà máy thủy điện của nước ta?	- Sông Hồng và sông Cửu Long - Hòa bình, Thác Bà, Y-a-li....
5. HĐ sáng tạo: (2 phút)	
- Tìm hiểu đặc điểm cầu các con sông có thể xây dựng thủy điện.	- HS nghe và thực hiện.

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....
.....

Thể dục

ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ. TRÒ CHƠI “HOÀNG ANH - HOÀNG YẾN”

I. MỤC TIÊU:

- Thực hiện được tập hợp hàng ngang ,dóng thẳng hàng ngang .
- Thực hiện cơ bản đúng điểm số ,quay phải ,quay trái ,quay sau, đi đều ,vòng phải vòng trái .
- Bước đầu biết cách đổi chân khi đi đều sai nhịp .
- Biết cách chơi và tham gia được trò chơi : Hoàng Anh ,Hoàng Yến .
- Giáo dục học sinh năng tập luyện thể dục cho cơ thể khoẻ mạnh.

II. PHƯƠNG TIỆN, ĐỊA ĐIỂM:

- Sân thể dục
- Thầy: giáo án, sách giáo khoa, đồng hồ thể thao, còi .
- Trò: trang phục gọn gàng theo quy định .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
I.Mở đầu 1. Nhận lớp	6 phút	*